

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 225/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Dương Thị N** - Sinh năm: 1961, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn*:

+ Ông **Dương Văn N** - Sinh năm: 1954; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bà **Trần Thị Hồng S** - Sinh năm: 1956; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Hồng Sương: Ông **Dương Văn N** - Sinh năm: 1954; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Bà Trần Thị Hồng S và ông Dương Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Dương Thị N tổng số tiền hui là 436.000.000VNĐ (bốn trăm ba mươi sáu triệu đồng), nhưng được chia làm nhiều lần trả như sau:

- Vào ngày 01 tháng 01 dương lịch năm 2024, bà Trần Thị Hồng S và ông Dương Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Dương Thị N số tiền là 236.000.000VNĐ (hai trăm ba mươi sáu triệu đồng).

- Số tiền 200.000.000VNĐ (hai trăm triệu đồng) còn lại thì bà Trần Thị Hồng S và ông Dương Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Dương Thị N theo phương thức là trả hàng tháng với mức là 5.000.000VNĐ/tháng, trả vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 25 tháng 02 dương lịch năm 2024 cho đến khi trả hết số tiền là 200.000.000VNĐ (hai trăm triệu đồng).

2.2) Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3) Về án phí:

3.1. Bà Dương Thị N tự nguyện nhận chịu 5.360.000VNĐ (năm triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà N là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên bà N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

2.3.2. Bà Trần Thị Hồng S, ông Dương Văn N tự nguyện nhận chịu 5.360.000VNĐ (năm triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà S, ông N là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên bà S, ông N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện C;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên